

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2024/HS-ST**
Ngày: 28-02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi – Cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đã nghỉ hưu
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp – Cán bộ hưu trí
3. Ông Phan Tấn Phát – Cán bộ Văn phòng công chứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 255/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/HSST-QĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024; Thông báo “*V/v dời thời gian xét xử vụ án*” số 44/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Hứa Văn C** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại Cà Mau; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12. Địa chỉ thường trú: **Ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau**. Chỗ ở hiện nay: **Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai**. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Hứa Văn D**, sinh năm 1954 và bà **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1952; Gia đình bị cáo có 12 anh chị em, bị cáo là con thứ 10 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 14/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa chấp hành xong đóng án phí hình sự sơ thẩm); Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/5/2020. (Có mặt)

2. Đoàn Văn H (tên gọi khác: H đen), sinh năm 1996 tại Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12. Địa chỉ thường trú: Xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn B, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Lê Thị Thùy N, sinh năm 1997 (không đăng ký kết hôn) và có 01 con chung là Đoàn Văn L, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/5/2020. (Có mặt)

3. Nguyễn Văn P (tên gọi khác: P bầy gà), sinh năm 2004 tại Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12. Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/12/2021. (Có mặt)

- Người bào chữa cho các bị cáo Hứa Văn C, Đoàn Văn H theo chỉ định: Luật sư Võ Thị Kiều D1, sinh năm 1973 – Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Lô S, số E đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P theo chỉ định:

Luật sư Võ Tấn L1, sinh năm 1979 – Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn P:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984 (Mẹ). (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1986 (Cha). (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại:

+ Anh Võ Văn T2, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Võ Văn H1, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Cháu Võ Đăng K, sinh năm 2015. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Hà Văn D2, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hà Văn B1, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Trần Văn T3, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Khu vực 4, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Nơi tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Hoài P1, sinh năm 2002. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Đặng Tấn D3, sinh ngày 19/3/2003. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn Quốc G, sinh ngày 23/8/2002. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Huỳnh Thanh D4, sinh ngày 19/9/2000. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Nơi tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Lê Vũ L2, sinh ngày 23/9/2000. (Vắng mặt)

Nơi thường trú: Khóm H, thị trấn Đ (trước đây là ấp H, xã Đ), huyện A, tỉnh An Giang.

Nơi tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 03/5/2020, **Hứa Văn C** đến phòng trọ của ông **Võ Văn H1** tại **ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai** để nhậu, trong lúc ngồi nhậu thì ông **H1** và **C** xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên ông **H1** đuổi **C** về. Sau khi về nhà, **C** kể lại sự việc trên cho **Đoàn Văn H** và **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 05/5/2004, cùng ngụ tại **xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nghe và rủ **H, P** đi đánh ông **H1** thì được **P** và **H** đồng ý. Chạp rút xăng từ xe máy của mình vào 2 chai bia, xé vải túi áo khoác của **H** nút kín miệng chai lại để làm bom xăng và cất giấu trong người, còn **H** gọi điện cho **B2** (chưa rõ họ địa chỉ) rủ **B2** đi đánh nhau thì **B2** đồng ý và nói đang ở **quán B4-a Đông S thuộc khu phố P, xã H, huyện N** nên **H** đi đến **quán B5**. Tại đây, **H** gặp **Nguyễn Văn Quốc G**, sinh ngày 23/8/2002, ngụ tại: **ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**; **Lê Vũ L2**, sinh ngày 23/9/2000, ngụ tại: **ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang**; **Đặng Tấn D3**, sinh ngày 19/3/2003, ngụ tại: **xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; **Huỳnh Thanh D4**, sinh năm 2000, ngụ tại: **ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang**; **Nguyễn Hoài P1**, sinh ngày 01/01/2002, ngụ tại: **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; **Trần Văn T3**, sinh ngày 30/6/2001, ngụ tại: **khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang**; **Băng và Đ** (chưa rõ họ, địa chỉ) đang đánh bi-a nên **H** rủ cả bọn đi đánh nhau thì tất cả đều đồng ý. Cả nhóm điều khiển 4 xe máy đi đến cổng **Trường học P** thì dừng lại, **H** nói **D4, G** đi về phòng trọ của **D4** lấy 04 con dao tự chế bỏ vào trong giỏ đệm để trên xe của **D4** và quay lại cổng **Trường**. Tại đây, **G, B2, L2** mỗi người lấy 01 con dao tự chế cầm trên tay, còn 01 con dao tự chế **D4** để trong giỏ đệm trên xe của **D4, P** lấy 01 cây ba trắc dưới yên xe nhét vào trong người. Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, cả nhóm xuất phát từ cổng **Trường học P**, theo hướng **đường H** đến ngã 3 **đường B**, rẽ về hướng **Khu công nghiệp N**, đến trước cổng **hồ B** thì dừng lại và **C** nói cả nhóm “Đến đó, đánh xong bỏ chạy”. Bàn bạc xong, thì **H** chở **C, P** đi 01 xe dẫn đường, **L2, D3, G, D4, P1, T3, B2, Đ** chạy theo sau. Lúc này có **P** bi-ken và “Đen” (chưa rõ họ, địa chỉ) là bạn của **D4, D3** nhìn thấy cũng chạy theo sau. Cả nhóm đi theo đường hẻm bên **hồ B** đến cách phòng trọ của ông **H1** khoảng 30 mét thì dừng xe lại, còn **H** điều khiển xe máy chở **C, P** đi đến phòng trọ của ông **H1** cách khoảng 02 mét thì dừng lại. Trong phòng trọ lúc này gồm có ông **Võ Văn H1, Võ Văn T2**, sinh năm 1990 (là con ông **H1**); bà **Hoàng Thị H2**, sinh

năm 1969 (là vợ ông H1); cháu Võ Đăng K, sinh ngày 14/02/2015 (là cháu ông H1) và anh Hà Văn D2, sinh năm 1994, ngụ tại: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Chạp xuống xe và lấy trong người ra 01 chai bia có xăng được nút lại bằng vải trắng được chuẩn bị từ trước, sau đó dùng bật lửa đốt cháy miếng vải và ném thẳng vào phòng trọ gây cháy, rồi C tiếp tục lấy chai bia thứ 02 bên trong có xăng ra, châm lửa đốt vải nút cổ chai và ném thẳng vào phòng trọ gây cháy dẫn đến ông H1, anh T2, anh D2 bị bỏng và gây cháy hư hỏng một số tài sản trong phòng trọ gồm 01 tấm nệm bằng mút xốp; 50 kg gạo tẻ; 20 bộ quần áo bằng vải thun, jean và 01 tủ quần áo bằng nhựa. Đối với P thì cầm ba trắc, G, L2, B2 cầm dao tự chế và đồng bọn đứng phía sau không có hành động gì, còn H ngồi trên xe nổ máy chờ sẵn. Sau khi ném 02 chai bia bom xăng vào phòng trọ ông H1 xong thì C nói với đồng bọn “Anh em rút về” rồi leo lên xe của H điều khiển chở P, C cùng đồng bọn bỏ chạy.

Ngay sau khi sự việc xảy ra, người dân đã đưa ông H1, anh T2, anh D2 đi cấp cứu; cháu Võ Đăng K thì bị bỏng nhẹ còn bà Hoàng Thị H2 thì không bị thương tích gì. Sau đó ông H1, anh T2, anh D2 đã làm đơn tố cáo Hứa Văn C và đồng bọn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để điều tra xử lý, sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Lời khai của bị can Hứa Văn C, bút lục (số C).

Lời khai của bị can Đoàn Văn H, bút lục (số D).

Lời khai của bị can Nguyễn Văn P, bút lục số (695-700).

Lời khai của bị hại, bút lục (số E).

Lời khai của người làm chứng, bút lục (số F).

Tang vật thu giữ:

- 01 vỏ chai bia còn lại phần đầu-đuôi (nhiều mảnh vỡ); 01 can nhựa không rõ màu bị cháy ám khói; 01 điện thoại di động (không rõ hiệu, không kiểm tra tình trạng sử dụng); một số mảnh chai bia bị cháy xém, 01 ca nhựa bị cháy xém; 02 vỏ lon bia bị cháy xém. (Bút lục số 113, 138, 139).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0524/TgT/2020 ngày 29/9/2020 của Trung tâm P2, kết luận thương tích của ông Võ Văn H1 như sau: “Sẹo bỏng vùng chân phải đã được giám định tỷ lệ là 04%; Sẹo bỏng mặt trước trong khoeo chân trái xuống cẳng bàn chân trái diện tích 05% diện tích cơ thể, sẹo không lồi, không có kéo. Vận động cẳng cổ bàn chân trái bình thường. Tỷ lệ

05%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung là 09%, do bỏng lửa xăng”. (bút lục số 171-173).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0519/TgT/2020 ngày 01/7/2020 của Trung tâm P2, kết luận thương tích của anh Võ Văn T2 như sau: “Bỏng chân trái hiện để lại sẹo vùng cẳng bàn chân trái diện tích 05% diện tích cơ thể. Tỷ lệ 05%; B3 chân phải hiện để lại sẹo vùng cẳng bàn chân phải diện tích 03% diện tích cơ thể. Tỷ lệ 03%; Bỏng vùng ngực và nách trái để lại vết biến đổi sắc tố da diện tích 06% diện tích cơ thể. Tỷ lệ 01%; Vết bỏng vùng chân trái hiện để lại biến đổi sắc tố da. Tỷ lệ 01%; Vết bỏng vùng chân phải hiện để lại vết biến đổi sắc tố da. Tỷ lệ 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 11%, do bỏng lửa xăng” (Bút lục số 174-176).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0525/TgT/2020 ngày 01/7/2020 của Trung tâm P2, kết luận thương tích của anh Hà Văn D2 như sau: “Vết bỏng vùng hông trái hiện để lại biến đổi sắc tố da kích thước 08x1,5 cm. Tỷ lệ 01%; Vết bỏng mặt ngoài cẳng chân trái hiện để lại biến đổi sắc tố da 03% diện tích cơ thể. Tỷ lệ 01%; Vết bỏng mặt trong cẳng bàn chân phải hiện để lại biến đổi sắc tố da diện tích 04% diện tích cơ thể. Tỷ lệ 01%; Sẹo bỏng mặt ngoài cẳng bàn chân trái không liên tục tổng diện tích 04% diện tích cơ thể. Tỷ lệ 04%; Vết bỏng mắt cá trong chân phải để lại sẹo kích thước 1,5x0,8 cm (<01% diện tích cơ thể). Tỷ lệ 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 08%, do bỏng lửa xăng”. (Bút lục số 177-179).

Tại Bản kết luận định tài sản số 181/KLĐG-HĐĐG ngày 29/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản huyện N, kết luận tài sản bị thiệt hại gồm : 01 tấm nệm bằng mút xốp, kích thước 1,4m x 1,6m; 50 kg gạo tẻ thường; 20 bộ quần áo bằng vải thun, jean; 01 tủ quần áo bằng nhựa, kích thước 1,6m x 0,4 m, trị giá là 3.350.000 đồng. Bút lục (số B, 211).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình bị can Hứa Văn C đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Võ Văn H1 và Võ Văn T2 số tiền 25.000.000 đồng và đã được các bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Hà Văn D2 không yêu cầu bồi thường; chị Võ Thị Tuyết N1 là mẹ cháu Võ Đăng K không yêu cầu bồi thường.

* Tại Cáo trạng số 243/CT-VKS-P2 ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố đối với các bị cáo Hứa Văn C, Đoàn Văn H về tội “Giết người” chưa đạt theo quy định tại các điểm a, b, l, n khoản 1 Điều 123;

Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “*Hủy hoại tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bị cáo **Nguyễn Văn P** về tội “*Giết người*” chưa đạt theo quy định tại các điểm a, b, l, n khoản 1 Điều 123 và Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt: Bị cáo **Hứa Văn C** từ **10** năm đến **11** năm tù về tội “*Giết người*” chưa đạt, từ **02** năm đến **02** năm **06** tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Hứa Văn C** phải chịu hình phạt chung của 02 tội là từ **12** năm đến **13** năm **06** tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Văn H** từ **07** năm đến **08** năm tù về tội “*Giết người*” chưa đạt, từ **01** năm **06** tháng đến **02** năm tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Đoàn Văn H** phải chịu hình phạt chung của 02 tội là từ **08** năm **06** tháng đến **10** năm tù.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn P** từ **03** năm đến **04** năm tù về tội “*Giết người*” chưa đạt.

Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

* Người bào chữa cho các bị cáo **Hứa Văn C**, **Đoàn Văn H** theo chỉ định có quan điểm:

Giữ nguyên quan điểm theo Bản án sơ thẩm lần 01 (số 43/2022/HS-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai) xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, theo lời khai của các bị cáo thì hành vi rủ rê người 16 tuổi phạm tội là bộc phát, nhận thức của các bị cáo hạn chế nên không lường trước được hậu quả xảy ra. Đối với bồi thường thiệt hại thì bị cáo **C** đã bồi thường 25.000.000 đồng, bị cáo **H** đã bồi thường 2.000.000 đồng (được bị hại xác nhận) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

* Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn P** theo chỉ định có quan điểm:

Thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, bị cáo **P** phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực khắc phục hậu quả được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản án sơ thẩm trước tuyên bị cáo **P** 03 năm tù giam. Nếu không bị kháng nghị thì bị cáo **P** đã chấp hành gần xong Bản án (nếu bị cáo chấp hành tốt). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật tuyên trả tự do cho bị cáo **P**, tuyên mức án bằng thời gian tạm giam. Bản án sơ thẩm số

43/2022/HS-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, bà T1 (mẹ bị cáo) đã khắc phục hậu quả 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các bị can, bị cáo, bị hại đã được nhận đầy đủ Kết luận điều tra, Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo quyền được Luật sư bào chữa và bảo vệ tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không thắc mắc, khiếu nại gì.

[2] Về nội dung vụ án:

Khoảng 13 giờ ngày 03/5/2020, trong phòng trọ của ông Võ Văn H1 (tại ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai) đang có: ông Võ Văn H1, anh Võ Văn T2 (con ông H1); bà Hoàng Thị H2 (vợ ông H1); cháu Võ Đăng K, sinh ngày 14/02/2015 (cháu nội ông H1) và anh Hà Văn D2 ở trong phòng trọ. Do có mâu thuẫn cãi nhau với ông H1 trong lúc uống rượu trước đó mà Hứa Văn C, Đoàn Văn H, Nguyễn Văn P (do C rủ) đã có hành vi đồ xăng vào hai vỏ chai bia rồi lấy vải túi áo khoác của H1 bịt lại làm ngòi châm lửa ném vào phòng trọ của ông H1 gây cháy. Hậu quả làm ông Võ Văn H1 bị thương tích cơ thể là 09%; anh Võ Văn T2 bị thương tích cơ thể là 11%; anh Hà Quốc D5 bị thương tích cơ thể là 08%, do bỏng lửa xăng và còn làm cháy hư hỏng 01 tấm nệm bằng mút xốp (kích thước 1,4m x 1,6m); 50 kg gạo tẻ thường; 20 bộ quần áo bằng vải thun, jean; 01 tủ quần áo bằng nhựa (kích thước 1,6m x 0,4m) với tổng giá trị tài sản định giá là 3.350.000 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Theo các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0524/TgT/2020 ngày 29/9/2020; số 0519/TgT/2020 và số 0525/TgT/2020 cùng ngày 01/7/2020 của Trung tâm P2.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo Hứa Văn C, Đoàn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố về tội “Giết người” chưa đạt quy định tại các điểm a, b, l, n khoản 1 Điều 123; Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bị cáo Nguyễn Văn P bị truy tố về tội “Giết người” chưa đạt quy định tại các điểm a, b,

l, n khoản 1 Điều 123 và Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã không những xâm phạm đến sức khỏe, đe dọa đến tính mạng của những người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây thiệt hại về tài sản của người khác nên cần giành cho các bị cáo mức án nghiêm minh đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Trong vụ án này, xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ không đáng kể mà bị cáo **Hứa Văn C** đã rủ rê người khác chuẩn bị bom xăng là hung khí nguy hiểm, có khả năng gây chết nhiều người ném vào phòng trọ của bị hại **Võ Văn H1** gây hậu quả làm cho 03 người bị thương tích do bỏng xăng là hành vi côn đồ, xem thường tính mạng, sức khỏe người khác, xem thường pháp luật nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính và có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo **Đoàn Văn H** và **Nguyễn Văn P** mặc dù không biết và không có mâu thuẫn với bị hại nhưng khi biết bị cáo **C** sử dụng bom xăng là nguy hiểm, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe người khác nhưng cũng không ngăn cản mà còn tham gia (trong đó bị cáo **H** là người đã thành niên, là người chở bị cáo **C** đi và còn rủ rê nhiều người khác tham gia đi cùng và khi đi còn đem theo 04 con dao làm hung khí để chuẩn bị gây án) thể hiện vai trò đồng phạm giúp sức tích cực đối với bị cáo **C**, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với mức án cao hơn bị cáo **P** nhưng thấp hơn bị cáo **C**. Còn bị cáo **P** là người sử dụng cây ba trắc đứng phía sau các bị cáo **C**, **H** để hỗ trợ nhằm giúp sức để các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và đã gây ra hậu quả như đã nêu trên, những người bị hại không chết là do phát hiện và đưa đi cấp cứu kịp thời. Qua đó cho thấy hành vi của các bị cáo là hết sức nguy hiểm cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm tội chưa đạt và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo **Hứa Văn C**:

+ *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo có tiền án chưa được xóa nên hành vi lần này là “Tái phạm” và trong vụ án bị cáo là người rủ rê, lôi kéo bị cáo **P** là người chưa thành niên phạm tội nên phạm vào tình tiết “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại các điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo **Đoàn Văn H**:

+ *Tình tiết tăng nặng*: Không.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo **Nguyễn Văn P**:

+ *Tình tiết tăng nặng*: Không.

+ *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo.

[5] Đối với các đối tượng **Đặng Tấn D3**, **Lê Vũ L2**, **Nguyễn Văn Quốc G**, **Huỳnh Thanh D4**, **Trần Văn T3**, **Nguyễn Hoài P1** mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng khi được **H** rủ đi đánh nhau thì đồng ý tham gia ngay, khi đi còn chuẩn bị hung khí (dao) và thực hiện theo chỉ dẫn, mệnh lệnh của **C**. Tại hiện trường, các đối tượng nêu trên không có hành động can ngăn mà tiếp nhận ý chí và hành động của **C** nên các đối tượng **D3**, **L2**, **G**, **D4**, **T3**, **P1** có dấu hiệu đồng phạm về tội “Giết người” quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Và các đối tượng trên không biết việc **C**, **H**, **P** chuẩn bị bom xăng nên không có cơ sở xác định vai trò đồng phạm về tội “Hủy hoại tài sản”. Quá trình điều tra, do các đối tượng trên bỏ trốn, chưa bắt được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** đã truy nã và ra Quyết định tách vụ án, tách hành vi phạm tội của các đối tượng nêu trên để xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình bị cáo **Hứa Văn C** đã bồi thường thiệt hại cho bị hại **Võ Văn H1** và **Võ Văn T2** số tiền 25.000.000 đồng và đã được các bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại **Hà Văn D2** không yêu cầu bồi thường; Chị **Võ Thị Tuyết N1** là mẹ cháu **Võ Đăng**

K không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần dân sự đối với bị cáo **C**.

Đối với bị cáo **Đoàn Văn H** theo Bản án số 43/2022/HS-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai buộc bị cáo **H** phải bồi thường cho anh **Võ Văn T2** 7.500.000 đồng và ông **Võ Văn H1** 5.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo **H** đã bồi thường cho ông **H1** 2.000.000 đồng nên buộc bị cáo **H** tiếp tục bồi thường cho ông **H1** 3.000.000 đồng và anh **T2** 7.500.000 đồng.

Đối với bị cáo **Nguyễn Văn P** theo Bản án số 43/2022/HS-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai buộc bị cáo **P** phải bồi thường cho anh **Võ Văn T2** 5.500.000 đồng và ông **Võ Văn H1** 3.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo **P** chưa bồi thường cho các bị hại nhưng do bị cáo là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên theo quy định pháp luật buộc bà **Nguyễn Thị T1** (mẹ bị cáo **P**) bồi thường cho anh **Võ Văn T2** 5.500.000 đồng và ông **Võ Văn H1** 3.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng thu giữ gồm: 01 vỏ chai bia còn lại phần đầu - đuôi (nhiều mảnh vỡ); 01 can nhựa không rõ màu bị cháy ám khói; 01 điện thoại di động (không rõ hiệu, không kiểm tra được tình trạng sử dụng) nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo **C**, **H** phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo **P** phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[11] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị cáo **H** phải chịu 525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (7.500.000 đồng + 3.000.000 đồng = 10.500.000 đồng x 5%).

- Bị cáo **P** do bà **Nguyễn Thị T1** phải chịu 425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (5.500.000 đồng + 3.000.000 đồng = 8.500.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Hứa Văn C**, **Đoàn Văn H** phạm tội “Giết người” chưa đạt và tội “Hủy hoại tài sản”.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn P** phạm tội “Giết người” chưa đạt.

[1] Áp dụng các điểm a, b, l, n khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 178; Điều 15; Điều 55; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm h, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: **Bị cáo Hứa Văn C** 10 (**M**) năm tù về tội “Giết người”, 02 (Hai) năm về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Hứa Văn C** phải chịu hình phạt chung của 02 tội là **12 (Mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2020.

[2] Áp dụng các điểm a, b, l, n khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 178; Điều 15; Điều 58; Điều 55; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: **Bị cáo Đoàn Văn H** 05 (Năm) năm 06 (**S**) tháng tù về tội “Giết người”, 01 (Một) năm về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Đoàn Văn H** phải chịu hình phạt chung của 02 tội là **06 (Sáu) năm 06 (S) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2020.

[3] Áp dụng các điểm a, b, l, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 58; khoản 2 Điều 101; Điều 102; Điều 91; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Văn P** 02 (Hai) năm 06 (**S**) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2021.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 590, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Buộc bị cáo **H** phải bồi thường cho anh **Võ Văn T2** 7.500.000 đồng và ông **Võ Văn H1** 3.000.000 đồng.

- Buộc bà **Nguyễn Thị T1** phải bồi thường cho anh **Võ Văn T2** 5.500.000 đồng và ông **Võ Văn H1** 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) vỏ chai bia còn lại phần đầu - đuôi (nhiều mảnh vỡ);
- 01 (một) can nhựa không rõ màu bị cháy ám khói;
- 01 điện thoại di động (không rõ hiệu, không kiểm tra được tình trạng sử dụng);

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/9/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) – Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai)

[6] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo H phải chịu 525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Buộc bà Nguyễn Thị T1 (mẹ bị cáo P) phải chịu 425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định (đối với những người vắng mặt tính từ ngày nhận được Bản sao Bản án).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án hình sự Tòa án tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Hương

